

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 31/3/2021
“V/v tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hùng Em;

Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thuần- Kiểm sát viên.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng chơi hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958;

2/ Bà Trần Thị G, sinh năm 1963;

3/ Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1988;

4/ Bà Trần Thị C, sinh năm 1969;

5/ Ông Lê Hữu T, sinh năm 1986;

6/ Bà Đàm Thị C, sinh năm 1966;

7/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Bà T có mặt tại phiên tòa. Bà T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Bà H, bà G, bà H, ông T, bà C, bà C và ông D có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2021, biên bản hòa giải ngày 07/12/2020 và tại phiên tòa bà Trần Thị T trình bày: Vào tháng 12/2016, bà có tham gia chơi hội do bà T làm chủ, đây hội 3.000.000đ, trong đây hội này bà tham gia 3 chân, hội 1 tháng khui 1 lần. Khi hội khui được 29 lần thì bà T không khui hội nữa. Sau khi bà T ngưng hội, giữa bà với bà T có đối chiếu lại sổ sách thì số tiền gốc của 3 chân hội bà đã chầu vào là 262.000.000đ. Sau đó bà T có trả lại cho bà được 160.000.000đ, số tiền còn lại 102.000.000đ bà T làm biên nhận nợ lại (biên nhận ngày 19/7/2020 al). Theo biên nhận nợ thì bà T cam kết mỗi vụ lúa sẽ trả cho bà số tiền 10.000.000đ cho đến khi trả dứt số tiền trên, nhưng từ khi bà T làm biên nhận trên cho đến nay đã thu hoạch 2- 3 vụ lúa nhưng bà T không trả số tiền trên cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả lại cho bà số tiền hội gốc còn lại là 102.000.000đ.

- Tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2020 bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Thừa nhận vào năm 2016, bà có tổ chức chơi hội, loại hội 3.000.000đ, do bà làm chủ, hội có 39 người tham gia mỗi tháng khui 1 lần. Trong đây hội này bà T tham gia 3 chân. Khi hội khui được 29 lần thì do một số hội viên hốt hội không chầu hội chết lại cho bà nên bà ngưng không khui hội nữa. Sau khi bà ngưng hội thì giữa bà với bà T có đối chiếu lại số tiền hội mà bà T đã chầu cho bà là 262.000.000đ, bà thống nhất trả lại số tiền hội trên lại cho bà T. Sau đó bà có trả cho bà T được 160.000.000đ, số tiền còn lại 102.000.000đ bà làm biên nhận nợ lại (biên nhận ngày 19/7/2020 al) và hẹn mỗi vụ lúa sẽ trả cho bà T số tiền 10.000.000đ cho đến khi trả dứt số tiền trên, nhưng do hiện nay bà gặp khó khăn nên chưa trả số tiền trên cho bà T được.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả lại số tiền hội gốc còn lại là 102.000.000đ, bà không đồng ý, bà đồng ý trả lại cho bà T 30.000.000đ, số tiền còn lại bà xin bà T, vì hiện nay bà rất khó khăn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình đối với vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định

của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà T. Buộc bà T có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền hui còn thiếu là 102.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng chơi hui, đối với bà Nguyễn Thị Ánh T. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189, 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T vẫn còn đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T khởi kiện yêu cầu bà T có trách nhiệm trả lại số tiền hui còn thiếu, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng chơi hui” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà T trả số tiền hui còn thiếu là 102.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/12/2020 bà T chỉ đồng ý trả lại cho bà T số tiền hui còn thiếu là 30.000.000đ.

[4] Xét thấy yêu cầu của bà T, yêu cầu bà T trả lại số tiền hui còn thiếu là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, hợp đồng chơi hui giữa bà T với bà T là có thật và thực tế đã xảy ra, cụ thể: Bà T và bà T đều thừa nhận bà T có tổ chức chơi dây hui 3.000.000đ, do bà T làm chủ hui, bà T là hui viên. Dây hui này có 39 người tham gia, hui mỗi tháng khui 1 lần. Trong dây hui này bà T tham gia 3 chân. Khi hui khui đến lần thứ 29 thì bà T tuyên bố bế hui. Sau khi bà T tuyên bố bế hui thì giữa bà T và bà T có đối chiếu lại với nhau và bà T thừa nhận số tiền hui mà bà T đã chầu vào trong dây hui này là 262.000.000đ và bà T đã trả lại cho bà T được 160.000.000đ. Số tiền còn lại 102.000.000đ, bà T làm biên nhận nợ lại. Tại biên nhận nợ ngày 19/7/2020 (al) bà T thừa nhận còn nợ lại bà T số tiền hui là 102.000.000đ và cam kết mỗi mùa vụ trả 10.000.000đ, nhưng bà T không thực hiện. Mặt khác, tại các tờ tường trình của những người tham gia chơi hui cùng dây hui trên do bà T làm chủ đều xác nhận rằng: Sau khi bà T tuyên bố bế hui thì bà vẫn tiến hành gom tiền hui của những người đã hót hui rồi (hui chết) cho đến khi

mãn hui. Do đó, nghĩ nên buộc bà T có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền hui còn thiếu 102.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà T trình bày chỉ đồng ý trả lại cho bà T số tiền 30.000.000đ, số tiền còn lại bà Xin bà T, vì hiện nay bà rất khó khăn. Xét lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, sau khi bà T tuyên bố bế hui, giữa bà T và bà T có đối chiếu lại số tiền mà bà T đã châu vào. Sau khi 2 bên đối chiếu nợ, bà T có thừa nhận còn nợ lại bà T số tiền là 262.000.000đ và đã trả được 160.000.000đ còn lại 102.000.000đ, bà T có làm biên nhận nợ số tiền trên. Từ khi bà T làm biên nhận cho đến nay, bà không trả tiền cho bà T và tại phiên tòa, bà T không đồng ý giảm số tiền trên cho bà T. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà.

Tóm lại; Buộc bà T có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền hui còn thiếu là 102.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu của bà T là có căn cứ chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định.

[6] Tại phiên tòa, bà T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T đối với bà Nguyễn Thị Ánh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T số tiền hui còn thiếu là 102.000.000đ (Một trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ánh T phải nộp 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.181.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi một nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010373 ngày 29/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**